

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2024
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tiến Dũng;
- Bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1966; địa chỉ: Số nhà 96, đường NH, khu phố 4, phường LH, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: Số nhà 96, đường NH, khu phố 4, phường LH, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-3-2024 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Nguyễn Phước T trình bày: Ông và bà H chung sống với nhau vào năm 1992, tự nguyện, không tổ chức lễ cưới cũng không đăng ký kết hôn do bận làm ăn. Đến nay ông bà cũng chưa đăng ký kết hôn. Từ khi sống chung, vợ chồng có cãi vã nhưng không đánh đập nhau, ông không cờ bạc rượu chè. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì ông bỏ về nhà ba mẹ ruột tại phường LTB, thị xã Hòa Thành sống đến nay. Quá trình ly thân, vợ chồng không liên lạc hay bàn bạc vấn đề đoàn tụ.

Nay về hôn nhân ông xác định tình cảm không còn, hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu ly hôn với bà H.

Bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày: Bà H thống nhất lời trình bày của ông T về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn và đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống không gây gổ, không đánh đập nhau, ông T có bồ nên bỏ nhà đi từ năm 2014 đến nay. Quá trình ly thân, vợ chồng không liên lạc hay bàn bạc vấn đề đoàn tụ.

Nay ông T yêu cầu ly hôn, bà cũng đồng ý vì vợ chồng sống không hạnh phúc.

Do ông T và bà H chung sống với nhau từ năm 1992 đến nay không đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải về hôn nhân cho ông bà theo quy định pháp luật.

Về con chung: Ông bà có 01 con tên Nguyễn Quốc T, sinh năm: 2000, hiện con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung : Ông bà không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại Tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và họ có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Phước T và bà Đỗ Thị H.

2. Về con chung: Không yêu cầu giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà H không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Ngày 08-3-2024, ông T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H. Bà H có địa chỉ và đang sinh sống tại khu phố 4, phường LH, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết, các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của ông T, bà H xác định ông T, bà H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định: “ ... Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý” và tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định “.....Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Đối chiếu theo quy định của pháp luật ông T và bà H chung sống với nhau từ năm 1992 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Hai ông bà có 01 tên Nguyễn Quốc T, sinh năm: 2000 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai anh chị không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

[5] Tại Tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Phước T và bà Đỗ Thị H là có cơ sở.

[6] Về án phí: Ông T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9; Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Phước T và bà Đỗ Thị H.

2. Về con chung: Không yêu cầu giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Phước T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0010919 ngày 13-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; ông Thọ đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các bên vắng mặt tại Tòa, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.HT;
- CCTHA TX.HT;
- Dương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

Đã ký

Đào Thị Hiền